

Số: **100** /BC-CCTTBVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **08** tháng **02** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 01 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 01 năm 2023: Nhiệt độ trung bình khu vực Nam bộ từ ngày 01 đến ngày 31 tháng 01 năm 2023 dao động từ xấp xỉ đến cao hơn từ 0,5 – 1⁰C so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa ở Nam Bộ cao hơn từ 10 - 30mm so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ; có nơi cao hơn.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 – 28 tháng 02 năm 2023: Xu thế nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN. Xu thế lượng mưa: TLM tại khu vực Nam Bộ cao hơn từ 20 - 40mm so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Cảnh báo: rãnh áp thấp xích đạo vẫn tiếp tục có khả năng hoạt động và gây mưa trái mùa tại các tỉnh phía Nam.

a) Cây lúa

Vụ Mùa 2022		Vụ Đông xuân 2022 - 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	-	Mạ	107
Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	558
Làm đồng	-	Làm đồng	2.172
Trổ	-	Trổ	1.171
Chín	-	Chín	125
Thu hoạch	4.777	Thu hoạch	
Tổng	4.777	Tổng	4.133,0

b) Cây trồng khác

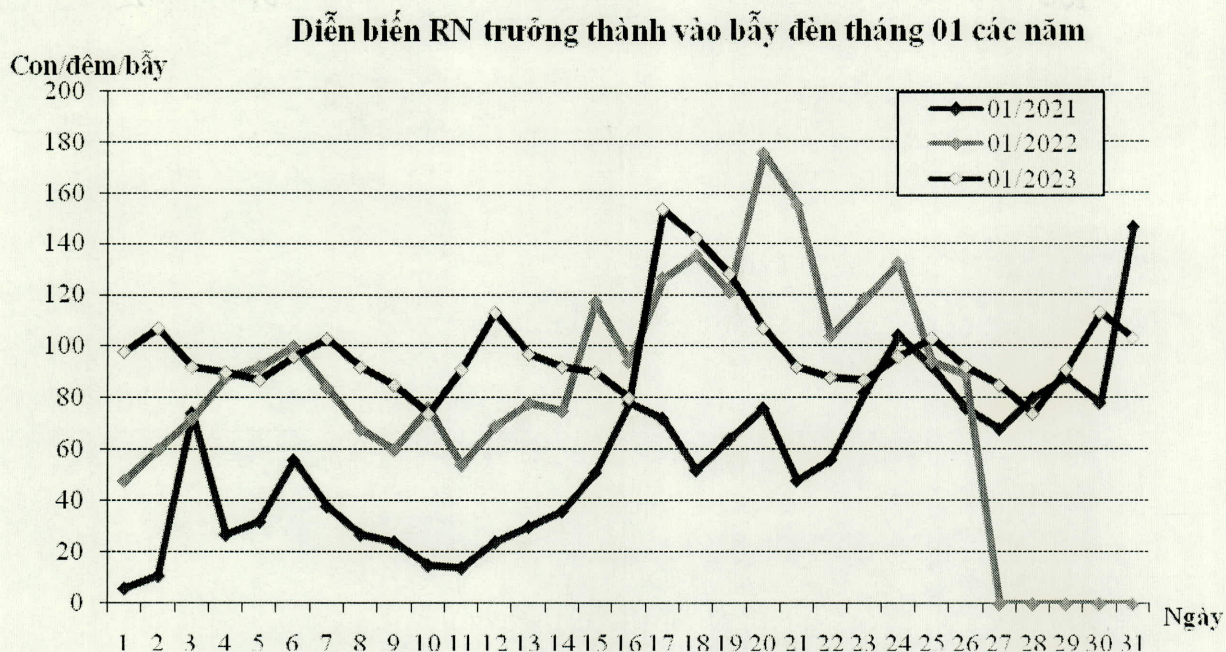
Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Đông xuân 2022-2023			2. Hoa, cây kiểng		
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.217,4	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	340
- RALDN	-		Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	345,8	3. Cây lương thực		
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	275,5	Bắp	Sinh trưởng	314,0
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	201,5	Khoai mì	Sinh trưởng	65,4
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	158,1	4. Cây công nghiệp		
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.535,5			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN ĐỊCH

1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 01/2023

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa



III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

1.1 Trên cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM, CC, BT
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	HM, CC
3	Bọ trĩ	3-5			1-5	HM, CC, BT
4	Sâu phao	1-5			1-5	HM, CC
5	Đạo ôn	3-10			1-3	HM, CC
6	Đốm vằn	3-5			1-3	CC
7	OBV	3-10			Các giai đoạn	HM, CC, BT
8	Chuột	3			Các giai đoạn	CC

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Cù Chi, BC: Bình Chánh, HM: Hóc Môn, BT: Bình Tân, TĐ: Thủ Đức, Q12: Quận 12

1.2 Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC, BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100 -> 500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC, TĐ
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC, CC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
15	Cào cào	1-10			1-5	TĐ
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đốm lá	2-5			1-3	TĐ, HM, Q12, BC
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

2.1 Trên lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 1.441,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (1.121,2 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: sâu cuốn lá, bọ xít hôi, bọ trĩ, sâu phao, OBV, chuột, bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: gây hại trên 83,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (36,2 ha).
- Bọ xít hôi: gây hại trên 58,2 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (21 ha).
- Bọ trĩ: gây hại trên 33,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (111,8 ha).
- Sâu phao: gây hại trên 110,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (91,6 ha).
- OBV: gây hại trên 883 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (722 ha).
- Chuột: gây hại trên 112 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (87 ha).
- Bệnh đạo ôn: gây hại trên 93,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (28,6 ha).
- Bệnh đốm vằn: gây hại trên 66 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (23 ha).

2.2 Trên cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 568,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (688,7 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 1.705,7 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Bọ nhảy: gây hại trên 26,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (23 ha).
- Sâu xanh: gây hại trên 55,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (67,3 ha).
- Sâu ăn tạp: gây hại trên 105,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (141,4 ha).
- Rầy xám: gây hại trên 30,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (55,5 ha).
- OBV: gây hại trên 208,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (218,6 ha).
- Bệnh rỉ trắng: gây hại trên 36,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (52,5 ha).
- Bệnh thối nhũn: gây hại trên 13,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (11,2 ha).

2.3 Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 34,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (50,5 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 24,2 ha chiếm 70,9% diện tích nhiễm sinh vật hại.

- Hoa lan: lưu ý các đối tượng như muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...
- Hoa Mai: cần chú ý các đối tượng như: nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá...

2.4 Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Tổng diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá là 0,5 ha, chiếm 0,76% diện tích gieo trồng (65,4 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30% và gây hại chủ yếu trên các giống khoai mì KM505 (0,5 ha).

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

2.5 Tình hình SVGH cây trồng dịp Tết Nguyên đán Quý Mão

Thực hiện Công văn số 71/BVTV-TV ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Cục Bảo vệ thực vật về chủ động phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán. Chi cục Trồng trọt và BVTV Thành phố đã tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn số 109/SNN-CCTTBVTV ngày 17 tháng 01 năm 2023, trong đó có phân công các đơn vị chuyên môn và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất nông nghiệp

theo dõi tình hình và chủ động phòng chống sinh vật gây hại cây trồng dịp Tết Nguyên đán. Kết quả các sinh vật gây hại chủ yếu trên lúa (sâu cuốn lá, bọ xít hôi, bọ trĩ, sâu phao, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn) và sinh vật hại trên rau (sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn và ốc bươu vàng) đều ở mức nhiễm nhẹ.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

a) Trên cây lúa

- Cần phải thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa.

- Cần chú ý bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ. Ở những ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm hoặc đã nhiễm đạo ôn lá nên chủ động phun ngừa để hạn chế bệnh phát triển, lây lan. Tiến hành phun 2 lần khi lúa trổ lác đặc và phun lại lần 2 khi lúa trổ đều. Áp dụng nguyên tắc 4 đúng khi phun thuốc.

- Ngoài ra, cũng cần lưu ý ốc bươu vàng gây hại trên trà lúa giai đoạn mạ - đầu đẻ nhánh; chuột hại trên các trà lúa đang ở giai đoạn đòng - trổ chín; sâu cuốn lá nhỏ xuất hiện từ giai đoạn mạ - đẻ nhánh; bọ xít hôi ở giai đoạn đòng - trổ chín.

b) Trên cây rau

- *Rau ăn lá*: cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, đốm lá, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá.

c) Cây hoa kiểng

- Hoa lan cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- Trên cây hoa mai cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng.

d) Các loại cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Cần theo dõi bệnh khảm lá virus đối với diện tích xuống giống mới. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dừa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất cây trồng vụ Đông Xuân 2022 – 2023.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại. /.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp. Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA
 (Kèm theo Báo cáo số: **400** /BC-CCTTBVTV, ngày **08** tháng **02** năm 2023 của Chi cục TTBVTV)

1. Vụ Đông xuân 2022 – 2023

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	83,8			83,8	35,0	36,2		HM, CC, BT
2	Bọ xít hôi	58,2			58,2		21,0		HM, CC
3	Bọ trĩ	33,3			33,3	122,5	111,8		HM, CC, BT
4	Sâu phao	110,9			110,9	109,7	91,6		HM, CC
5	Đạo ôn	93,9			93,9	37,1	28,6		HM, CC
6	Đốm vằn	66,0			66,0	27,0	23,0		CC
7	OBV	883,0			883,0	522,0	722,0		HM, CC, BT
8	Chuột	112,0			112,0	104,0	87,0		CC
	Tổng	1.441,1			1.441,1	957,3	1.121,2		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SV/GH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **400** /BC-CCTTBVT, ngày **08** tháng **02** năm 2023 của Chi cục TTBVT)

STT	Tên SV/GH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	26,4	+		26,4	26,0	23,0	78,3	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	55,5	-		55,5	56,0	67,3	173,5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	16,5	-		16,5	19,3	15,7	47,6	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	13,4	+		13,4	11,4	11,6	32,0	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,7	-		1,7	1,7	1,6	8,5	BC
6	Sâu ăn tạp	105,9	-		105,9	108,3	141,4	309,5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	12,8	-		12,8	12,8	23,0	32,0	CC, BC
8	Rầy mềm	1,1	-		1,1	1,1	1,5	4,7	BC, BT
9	Rầy xanh	13,1	+		13,1	12,9	27,1	34,0	HM, BC, CC
10	Rầy xám	30,4	-		30,4	34,0	55,5	64,8	TĐ, HM, Q12
11	Sâu đục đọt	1,6	+		1,6	1,5	1,5	5,6	BC, TĐ
12	Bọ xít đen	4,0	-		4,0	4,0	1,0		TĐ
13	Ruồi đục trái	9,4	+		9,4	7,3	7,7	36,7	BC, CC
14	OBV	208,5	-		208,5	208,5	218,6	683,5	TĐ, HM, Q12
15	Cào cào	0,1	-		0,1	0,1			TĐ
16	Ốc sên	0,6	-		0,6	0,6	0,5	2,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	13,1	-		13,1	13,7	11,2	36,0	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	36,3	-		36,3	36,8	52,5	109,2	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đóm lá	9,0	-		9,0	10,6	13,2	24,6	TĐ, HM, Q12, BC
20	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	2,2	-		2,2	2,2	3,9	5,7	HM
21	Vàng lá	6,6	-		6,6	7,1	2,8	17,1	TĐ, HM
	Tổng	568,2			568,2	575,9	688,7	1.705,7	

CHI CỤC TRÔNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III
TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG
 (Kèm theo Báo cáo số: **400** /BC-CCTTBVTV, ngày **08** tháng **02** năm 2023 của Chi cục TTBBVTV)

STT	Tên SVGH	Điện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	11,76			11,76	12,53	9,81	11	
1	Muối hại bông	5,37			5,37	6,07	4,27	5,2	TD, HM, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,2			0,2	0,2	0,2	0,2	BC
3	Rệp vảy	0,12			0,12	0,12	0,12	0,07	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,55			0,55	0,55	0,6	0,45	CC, BC
5	Ôc sên	0,2			0,2	0,2	0,2	0,2	TD, CG
6	Đóm lá	3,03			3,03	3,12	2,08	2,82	TD, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	0,15			0,15	0,15	0,25	0,15	CG, Q7
8	Thối nhũn	0,92			0,92	0,91	0,88	0,79	CC, BC, CG, Q7
9	Đóm đen	0,42			0,42	0,41	0,41	0,32	CC
10	Vàng lá	0,6			0,6	0,6	0,6	0,6	BC
11	Bọ cánh cứng	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	BC
12	Rêu xanh	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	TD
II	Hoa mai	21,73			21,73	43,73	39,87	12,55	
1	Nhện đỏ	2,11			2,11	4,61	2,79	2,06	TD, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	2,94			2,94	12,94	17,42	2,94	TD, HM, Q12, CG
3	Bọ trĩ	3,89			3,89	6,89	3	3,88	TD, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,2			0,2	0,2		0,2	HM
5	Cháy lá	2,73			2,73	3,23	6,21	2,61	TD, CC
6	Rỉ sắt	0,2			0,2	0,2		0,2	HM
7	Mốc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,35	CG
8	Nấm hồng	0,31			0,31	0,31	0,21	0,31	HM, Q12, BC, BT
9	Rong rêu	9			9	15	10	0	TD
III	Cây hoa khác	0,69			0,69	0,69	0,79	0,67	TD, CC, BC, CG
	Tổng cộng	34,18			34,18	56,95	50,47	24,22	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

2

3

4

5